TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **140**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Phạm Thanh Lam.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 104/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thụy Hồng Y**, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ X, Ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Số nhà Y, Tổ F, Ấp S, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Ấp K, xã N C T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Số nhà Y, Tổ F, Ấp S, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2023 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Hồng Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, cãi vã do ông D không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia đình, lại còn tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông D vẫn không sửa đổi làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay, tình cảm vợ chồng

không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ để trình bày ý kiến của mình và cũng không tham gia phiên hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thụy Hồng Y được ly hôn với ông Nguyễn Anh D; các đương sự không có con chung nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Anh D cư trú tại Ấp S, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà Y khởi kiện đối với ông D. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Y là nguyên đơn, ông D là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 19 tháng 6 năm 2020. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà Y yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Các đương sự có xảy ra bất đồng, mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong cuộc sống và do ông D không chịu khó làm ăn, lại còn tham gia cá độ, đá gà làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Bà Y khởi kiện, ông D đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, cho thấy ông D không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau và cũng không đưa ra ý kiến gì phản đối việc bà Y yêu cầu ly hôn với mình.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết tài sản chung khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết nợ chung nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Hồng Y.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Hồng Y được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

1.2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không ghi nhận được yêu cầu của đương sự về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Hồng Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Y đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001250 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà Y đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 22 ngày 19/6/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam